

Bản án số: 107/2022/DS-ST

Ngày: 29-11-2022

V/v tranh chấp trả lại lỗi đi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Huy;
2. Ông Nguyễn Minh Chí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tùng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc: “Tranh chấp trả lại lỗi đi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm: 1956. (có mặt)

Cư trú: Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phú Q, sinh năm: 1978, (có mặt)

Cư trú: Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Huỳnh Văn L1, sinh năm: 1966; (vắng mặt)

3.2. Bà Huỳnh Thị L2, sinh năm: 1963; (vắng mặt)

3.3. Ông Huỳnh Văn L3, sinh năm: 1960; (vắng mặt)

3.4. Ông Huỳnh Văn L4, sinh năm: 1953. (vắng mặt)

3.5. Bà Huỳnh Thị L5, sinh năm: 1942. (vắng mặt)

3.6. Ông Huỳnh Văn L6, sinh năm: 1959 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L

3.7. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1978, cư trú: Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L. (có mặt)

3.8. Chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm: 2003, cư trú: Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L. (vắng mặt)

3.9. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1950, cư trú: Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L; (vắng mặt)

3.10. Bà Trần Thị Kim T, sinh năm: 1956, cư trú: Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L; (vắng mặt)

3.11. Ủy ban nhân dân xã Phước L, địa chỉ: Ấp Tân Thanh A, xã Phước Lại, huyện C, tỉnh L. (vắng mặt)

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm: 1972, cư trú: Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L;

4.2. Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm: 1965, cư trú: Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L;

4.3. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm: 1963, cư trú: Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L;

4.4. Ông Đỗ Văn Bơ, sinh năm: 1952, cư trú: Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L;

4.5. Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm: 1955, cư trú: Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L;

(các người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2022, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là Ông Huỳnh Văn L trình bày:

Vào năm 1972, Ông Nguyễn Văn N là chủ sử dụng thửa đất 713, loại đất nghĩa địa có cho bà con xung quanh, gia đình nào có người chết thì chôn cất. Năm 1972, ông Huỳnh Văn L chết, gia đình Ông L có chôn cất ông L tại thửa đất trên. Ngoài mộ của ông L còn có khoảng 20 mộ khác, hiện đã lấy hài cốt đi, chỉ còn khoảng 04 mộ. Khi chôn ông L thì gia đình Ông L không có trả tiền để được chôn cất trên đất của ông Non.

Ông L là người trực tiếp thờ cúng và chăm sóc mộ của ông L. Từ năm 1972 đến hiện tại, Ông L và gia đình đi vô thăm mộ ông L theo hướng đi từ đường Mương Chài, ngang qua lối đi cặp với nhà Ông Nguyễn Phú Q rồi tới mộ. Lối đi này là lối đi công cộng, có từ trước năm 1975. Năm 2019, Ông Nguyễn Phú Q tiến hành xây dựng nhà và hàng rào cao khoảng 2m chắn ngang lối đi vào mộ ông Huỳnh Văn L. Thời điểm này, khi vào thăm mộ, Ông L đi từ đường Mương Chài, ngang qua phần đất trống sát bên nhà Ông Q rồi vô thăm mộ nên

quyền lợi của Ông L chưa bị ảnh hưởng. Đến khi chủ sử dụng phần đất giáp ranh nhà Ông Q xây dựng công trình trên đất thì Ông L không có đường đi vô thăm mộ ông Lê. Việc Ông Q xây dựng nhà và tường rào bao bọc quanh mộ ông Lê, mộ nằm phía sau nhà vệ sinh của Ông Q ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Ông Huỳnh Văn L.

Ba ruột của Ông Huỳnh Văn L tên là Huỳnh Văn Phi, chết năm 2013, mẹ ruột Ông L tên là Nguyễn Thị Chắc, sinh năm: 1925, chết năm 1990. Cha mẹ Ông L có tổng cộng 09 người con gồm: Bà Huỳnh Thị L5, ông Huỳnh Văn Lo, ông Huỳnh Văn Lành, Ông Huỳnh Văn L4, Ông Huỳnh Văn L, Ông Huỳnh Văn L6, Ông Huỳnh Văn L3, Bà Huỳnh Thị L2, Ông Huỳnh Văn L1, ông Huỳnh Văn Lê. Ông L xác định việc yêu cầu trả lại lối đi của Ông L nếu Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì quyền và nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc mở lối đi qua thửa đất 4843, 713 đều do Ông L hưởng và quyết định tất cả, không liên quan đến các anh chị em còn lại trong gia đình.

Trường hợp nếu Ông Q muốn Ông L dời mộ thì Ông Q cần hỗ trợ cho Ông L chi phí bốc mộ, chi phí mua một phần đất khác và chi phí tiến hành cải táng lại mộ của ông Lê, hoặc là Ông Q đưa cho Ông L số tiền 150.000.000 đồng và Ông L sẽ làm những công việc nêu trên.

Tại đơn khởi kiện, Ông L yêu cầu Tòa án buộc Ông Nguyễn Phú Q tháo dỡ tường rào cao khoảng 02m, chiều dài khoảng 15m được xây dựng với kết cấu tường xi măng và tháo dỡ căn nhà cấp 4 được xây dựng với diện tích khoảng 100m² với kết cấu xây dựng tường xi măng có ốp gạch, trụ cột bê tông cốt thép để trả lại lối đi có chiều ngang khoảng 2.5m, chiều dài khoảng 35m thuộc thửa đất 4843, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L.

Qua đo đạc thực tế, Ông L yêu cầu Tòa án buộc Ông Nguyễn Phú Q tháo dỡ tường rào và tháo dỡ một phần căn nhà cấp 4 để trả lại lối đi có diện tích 45 m² thuộc thửa đất 4843, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L và diện tích 4.7m² thuộc thửa đất 713, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L.

Tại phiên tòa, Ông Huỳnh Văn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông L trình bày lối đi mà ông yêu cầu là bờ ranh giữa hai thửa đất, do người ta đắp lên to ra để đi. Mộ của ông Lê là mộ đá, không có xây dựng nhà mộ, gia đình không có tiến hành cải tạo mộ. Ông L không có quyền sử dụng phần đất nào giáp ranh với hai thửa đất 4843 và 713. Vào thời điểm chưa mở đường Mương Chài, muốn vào thăm mộ ông Lê, Ông L và gia đình Ông L sử dụng lối đi đang tranh chấp.

Bị đơn Ông Nguyễn Phú Q trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ngày 14/3/1992, cha ruột Ông Nguyễn Phú Q là ông Nguyễn Ngọc Nghĩ có nhận chuyển nhượng một phần đất gò của ông Võ Thành Nguyên (đã chết), trong đó có thêm khoảng 58 m² phần đất nghĩa địa. Đến ngày 09/12/2005, ông Nghĩ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 714, tờ bản đồ số 5, diện tích 1291m², phần diện tích đất nghĩa địa không được cấp giấy, do

gia đình nghĩ rằng đất nghĩa địa không có sử dụng nên không đăng ký kê khai. Đến ngày 31/12/2005, ông Nghĩ tặng cho Ông Q quyền sử dụng đất, Ông Q được Ủy ban nhân dân huyện C công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 4843 với diện tích 253m². Đồng thời ông Nghĩ cũng tặng cho Ông Q cả phần diện tích đất nghĩa địa thuộc thửa đất 713. Ông Q đã xây dựng nhà và tường rào kiên cố trên thửa đất 4843 vào năm 2012, mỗi năm sửa chữa thêm một chút đến năm 2018 thì hoàn thiện, còn phần diện tích khoảng 58m² thuộc thửa 713, Ông Q đã quản lý, sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua yêu cầu khởi kiện của Ông L, Ông Q không đồng ý bởi vì:

Thứ nhất: Từ trước đến nay hoàn toàn không có lối đi công cộng vào phần đất nghĩa địa như Ông L trình bày.

Thứ hai: Nhà cửa, tường rào Ông Q đã xây dựng kiên cố cách nay 10 năm chứ không phải mới xây như Ông L trình bày.

Thứ ba: Phần đất nghĩa địa không thuộc quyền sử dụng của gia đình Ông L. Mặt khác, gia đình Ông Q vẫn tạo điều kiện tốt để các gia đình có mộ trên đất đến thăm mộ của nhân thân họ.

Thứ tư: Khi Ông Q cất nhà, tường rào kiên cố thì tiếp giáp vẫn là đất trống, chưa xây dựng. Khi chủ sử dụng phần đất tiếp giáp với thửa 4843 xây dựng nhà, tại sao Ông L không yêu cầu họ mở lối đi mà lại yêu cầu Ông Q trả lại lối đi.

Tại phiên tòa, Ông Q trình bày ông và vợ ông cam kết luôn tạo điều kiện cho nhân thân của ông Huỳnh Văn Lê được thăm nom phần mộ theo phong tục tập quán người Việt Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ Hằng trình bày: Chị Hằng thống nhất với lời trình bày của Ông Q. Qua yêu cầu khởi kiện của Ông L thì chị Hằng không đồng ý. Trong nhà có Ông Q, bà Hằng, cháu Như đang sinh sống. Cháu Như không có đóng góp đối với tài sản trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Huỳnh Văn L1, Bà Huỳnh Thị L2, Ông Huỳnh Văn L3, Ông Huỳnh Văn L4, Bà Huỳnh Thị L5, Ông Huỳnh Văn L6 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của Ông L liên quan đến yêu cầu mở lối đi vô phần mộ của ông Huỳnh Văn Lê. Liên quan đến vụ kiện này, các ông bà đồng ý để Ông L toàn quyền quyết định nội dung vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Văn N và Bà Trần Thị Kim T trình bày: Ông bà là chủ sử dụng thửa đất 713, loại đất nghĩa địa, đất tại xã Phước Lại, huyện C. Gia đình ông có cho chôn cất ông Lê trên thửa đất 713. Qua yêu cầu khởi kiện của Ông L, ông bà hoàn toàn thống nhất với yêu cầu này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Phước L có ý kiến: Hiện thửa đất 713, loại đất nghĩa địa do Ủy ban nhân dân xã Phước L quản lý. Lối đi của Ông L yêu cầu là bờ cản (bờ chống Mỹ), bờ ranh các thửa đất,

không phải là lỗi đi công cộng. Qua yêu cầu khởi kiện của Ông L, đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan. Việc chấp hành pháp luật của các người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh Văn L về việc buộc Ông Nguyễn Phú Q tháo dỡ tường rào và tháo dỡ một phần căn nhà cấp 4 để trả lại lối đi có diện tích 45 m² thuộc thửa đất 4843, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L và diện tích 4.7m² thuộc thửa đất 713, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L. Căn cứ vào nội dung trả lời Công văn số 338/UBND ngày 09/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã Phước L, thì lối đi của Ông L yêu cầu là bờ cản (bờ chống Mỹ), bờ ranh các thửa đất, không phải là lối đi công cộng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và phần đất tranh chấp tại xã Phước Lại, huyện C, tỉnh L. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bà Huỳnh Thị L5, Ông Huỳnh Văn L4, Ông Huỳnh Văn L, Ông Huỳnh Văn L6, Ông Huỳnh Văn L3, Bà Huỳnh Thị L2, Ông Huỳnh Văn L1, cháu Nguyễn Thị Thảo Như xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Ông Huỳnh Văn Lẻ chết khi còn nhỏ, không có vợ, con. Cha mẹ của ông Lẻ đã chết. Ông Lẻ có các anh em ruột gồm Bà Huỳnh Thị L5; ông Huỳnh Văn Lo, ông Huỳnh Văn Lành, Ông Huỳnh Văn L4, Ông Huỳnh Văn L, Ông Huỳnh Văn L6, Ông Huỳnh Văn L3, Bà Huỳnh Thị L2, Ông Huỳnh Văn L1, ông Huỳnh Văn Lẻ. Ông Lo và ông Lành đã chết. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Ông L xác định việc yêu cầu trả lại lối đi của Ông L nếu Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì quyền và nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc mở lối đi qua thửa đất 4843, 713 đều do Ông L hưởng và quyết định tất cả, không liên quan đến các anh chị em còn lại trong gia đình nên Hội đồng xét xử không đưa những người thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh Văn Lo và ông Huỳnh Văn Lành tham gia tố tụng trong vụ án này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Huỳnh Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án tháo dỡ một phần căn nhà của Ông Nguyễn Phú Q và Bà Nguyễn Thị Mỹ H để Ông L có lối đi vào

thăm mộ của ông Huỳnh Văn Lẻ tại phần diện tích 45m² của khu B thuộc thửa đất 4843, tờ bản đồ số 5, loại đất CLN và diện tích 4.7m² khu D thuộc thửa đất 713, tờ bản đồ số 5, theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 07/7/2022. Ông Huỳnh Văn L không đồng ý bồi thường cho Ông Q, bà Hằng phần diện tích lối đi. Ông Nguyễn Phú Q là chủ sử dụng thửa đất 4843, còn thửa 713 hiện vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mộ của ông Huỳnh Văn Lẻ tọa lạc tại thửa đất 713, loại đất nghĩa địa, đất tại xã Phước Lại, huyện C, tỉnh L. Ông L cho rằng lối đi vô mộ đã có từ trước năm 1975.

[2.2]. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 để xem xét yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh Văn L. Điều luật này quy định: *Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.* Hồ sơ vụ án thể hiện, thửa đất 713 hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị vây bọc bởi các thửa đất khác. Như vậy, Ông Huỳnh Văn L cũng như gia đình của ông không phải là chủ sử dụng thửa đất 713. Tuy nhiên, thửa đất này có mục đích sử dụng là đất nghĩa địa. Mộ của ông Huỳnh Văn Lẻ tọa lạc trên thửa đất 713, nên Ông Huỳnh Văn L là nhân thân của người chết, có mộ trên đất nên có quyền khởi kiện.

[2.3] Phần lối đi của Ông Huỳnh Văn Lẻ yêu cầu tính từ đầu đường Bà Kiều đến khu vực có mộ, đi qua 2 thửa đất là một phần thửa đất 4843 và một phần thửa đất 713 và Ông L cho rằng đây là lối đi công cộng có từ trước năm 1975. Tuy nhiên, theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 07/7/2022 thể hiện lối đi mà Ông Huỳnh Văn Lẻ yêu cầu thuộc một phần thửa 4843 thuộc quyền sử dụng của Ông Nguyễn Phú Q, và thuộc một phần thửa 713 chứ không phải là lối đi công cộng từ trước năm 1975 như Ông L đã nói. Ngoài ra tại Công văn số 338/UBND ngày 09/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã Phước L thể hiện phần đất tranh chấp mà Ông L cho rằng Ông Q lấn chiếm lối đi là bờ cản (bờ chống Mỹ), bờ ranh các thửa đất, không phải là lối đi công cộng. Do đó, lối đi mà Ông L tranh chấp với Ông Q là thuộc quyền sử dụng đất của chủ liền kề, cụ thể là thuộc quyền sử dụng của Ông Nguyễn Phú Q, và quản lý của Ủy ban nhân dân xã Phước L đối với đất nghĩa địa. Hiện tại, vợ chồng Ông Q đã xây dựng nhà kiên cố và công trình trên đất nên không thể buộc Ông Q tháo dỡ nhà để tạo lối đi như Ông Lẻ yêu cầu. Quá trình giải quyết vụ án thì Ông L, và một số nhân thân có mộ trên thửa 713 đều xác định Ông Q vẫn tạo điều kiện cho vô thăm mộ. Đồng thời, Ông Q và bà Hằng cam kết cho Ông Lẻ vô thăm mộ vào những dịp phù hợp với phong tục, tập quán của người Việt Nam. Do đó, yêu cầu tháo dỡ một phần căn nhà và công trình trên đất có diện tích là 45m² thuộc thửa 4843, tờ bản đồ số 5 để trả lại lối đi có diện tích là 45m² thuộc thửa 4843, tờ bản đồ số 5 và

diện tích 4.7m² thuộc thửa 713 của Ông Huỳnh Văn L là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng:

[3.1]. Về án phí: Ông Huỳnh Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Ông L thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí.

[3.2] Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn L phải chịu 14.500.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 277, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Huỳnh Văn L đối với bị đơn Ông Nguyễn Phú Q về việc đòi Ông Nguyễn Phú Q trả lại diện tích 45m² thuộc thửa đất 4843, tờ bản đồ số 5, và diện tích 4.7m² thuộc thửa đất 713, loại đất nghĩa địa, đất tọa lạc tại Ấp L, xã Phước L, huyện C, tỉnh L thuộc khu B (45m²), khu D (4.7m²) của Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 07/7/2022

Vị trí, tứ cận phần đất tranh chấp theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 07/7/2022.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

2.1. Về án phí: Ông Huỳnh Văn L được miễn án phí.

2.2. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn L phải chịu 14.500.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và đã nộp xong.

3. Án sơ thẩm, đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

4. Án sơ thẩm, đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa